TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CTCP **CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT** **ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 164 /BC/BKS-DVKT	*Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2021*

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NĂM 2020
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021
CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

I. Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (Luật Doanh nghiệp);
- Điều lệ Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty/ PV Power Services);
- Quy chế số 39/BKS-DVKT ngày 17/01/2020 quy định tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Quyết định số 982/QĐ-ĐLDK ngày 23/9/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty/PV Power) về việc ban hành Quy chế quản lý vốn của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam đầu tư vào doanh nghiệp khác (Quy chế 982);
- Quyết định số 104/QĐ/DVKT-HĐQT ngày 10/6/2020 của Hội đồng quản trị PV Power Services về việc giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2020 của PV Power Services.

II. Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS):

Ban Kiểm soát PV Power Services gồm ba (03) thành viên, trong đó:

- 01 Thành viên chuyên trách đảm nhiệm vị trí Trưởng Ban Kiểm soát;
- 02 Thành viên không chuyên trách .

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát và theo kế hoạch hoạt động năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua, trong năm 2020, Ban Kiểm soát thực hiện các

nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Kiểm tra tính hợp lý, trung thực, hợp pháp và mức độ cẩn trọng trong hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh (SXKD); tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính (theo Luật Doanh nghiệp);
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Giám đốc (theo Luật Doanh nghiệp);
- Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, các văn bản chỉ đạo, chủ trương, chính sách của Công ty mẹ (PV Power.

BKS hoạt động theo nguyên tắc chủ động và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty. Việc kiểm tra, giám sát của BKS không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong kỳ báo cáo, ngoài hoạt động kiểm soát thường xuyên Ban Kiểm soát đã thực hiện sáu (06) cuộc kiểm tra, kiểm soát mang tính định kỳ/đột xuất, cụ thể:

- 04 cuộc kiểm soát định kỳ tương ứng với mỗi quý hoạt động trong năm;
- 02 cuộc kiểm soát theo chuyên đề, gồm:
  + 01 cuộc kiểm tra, kiểm soát các hoạt động thương mại và công tác quản lý hợp đồng 6 tháng cuối năm 2019 theo yêu cầu của Công ty mẹ (PV Power);
  + 01 cuộc kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2020 tại các Chi nhánh thuộc Công ty.

Kết quả kiểm tra, kiểm soát và kiến nghị của Ban Kiểm soát đã được phản ánh trong các báo cáo hoạt động hàng quý và báo cáo theo chuyên đề gửi tới lãnh đạo Công ty cũng như báo cáo Công ty mẹ.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát. Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, các thành viên Ban Kiểm soát thống nhất hình thức các cuộc họp được thực hiện trực tuyến và thư điện tử (email). Các kế hoạch hành động, báo cáo,... đều được thảo luận bởi tất cả các thành viên và được ban hành sau khi được 100% các thành viên biểu quyết thông qua.

Ban Kiểm soát cho rằng công tác kiểm tra, kiểm soát và đưa ra ý kiến nhận xét/ kiến nghị dựa trên những cơ sở và căn cứ hợp lý trong năm 2020 là đúng với chức năng nhiệm vụ của mình được quy định tại Điều lệ Công ty và

pháp luật hiện hành.

III. Kết quả kiểm soát:

1. Về hoạt động kinh doanh, tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính:

Tại thời điểm báo cáo, PV Power Services đã công bố Báo cáo Tài chính Quý 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, Ban Kiểm soát căn cứ vào các quy định của Luật Kế toán, Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán, chính sách tài chính của Nhà nước, Điều lệ và Quy chế quản lý Tài chính của Công ty và các tài liệu liên quan được công ty công bố công khai và/hoặc cung cấp cho Ban Kiểm soát theo quy định để áp dụng các kỹ thuật kiểm tra cần thiết, đối chiếu với số liệu hạch toán để đưa ra đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng về tình hình SXKD của Công ty trong năm 2020.

Đối với hoạt động đầu tư/ mua sắm, sử dụng các nguồn lực phục vụ SXKD của Công ty, Ban Kiểm soát không trực tiếp tham gia quản trị, điều hành, do đó Ban Kiểm soát tiến hành kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Công ty cung cấp để đưa ra các ý kiến đánh giá, nhận xét và/ hoặc kiến nghị hoàn thiện.

1.1. Huy động, sử dụng vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2020:

Số TT	Cổ đông	Tỷ lệ vốn góp	Số cổ phần	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power)	51%	7,650,000	76,500,000,000
2	YTL Power Service Sdn.Bhd (YTL PS)	18%	2,700,000	27,000,000,000
3	Cổ đông khác	31%	4,650,000	46,500,000,000
	Cộng	**100%**	**15,000,000**	**150,000,000,000**

Lưu ý:

– *Cổ đông PV Power và YTL PS là các cổ đông sáng lập, được quản lý giao dịch cổ phiếu theo hình thức "hạn chế chuyển nhượng", thực hiện chế độ*

báo cáo giao dịch trực tiếp với cơ quan quản lý chứng khoán là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX);

- *Cổ đông America LLC thuộc nhóm cổ đông nước ngoài thông qua giao dịch tự do trên thị trường chứng khoán đã nắm giữ trên 5% tổng số cổ phiếu của PV Power Services, trở thành cổ đông lớn của PV Power Services và cũng chịu sự quản lý giao dịch trực tiếp của HNX theo phương thức "hạn chế chuyển nhượng". Tính đến ngày 15/3/2021, mức nắm giữ cổ phiếu PV Power Services của America LLC là 1.318.800 cổ phiếu, chiếm **8,79%** tổng số cổ phiếu của PV Power Services.*

– **Tiền, tương đương tiền:**	**49.727.074.029 VND**
bao gồm:	
+ *Tiền mặt:*	*493.909.736 VND*
+ *Tiền gửi không kỳ hạn tại các Ngân hàng:*	*49.233.164.293 VND*
– **Đầu tư tài chính ngắn hạn**:	5.170.000.000 VND
– **Phải thu ngắn hạn của khách hàng**:	**361.095.128.076 VND**
bao gồm:	
+ *Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau:*	*21.593.070.206 VND*
+ *Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch:*	*188.865.752.386 VND*
+ *Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2:*	*136.778.483.483 VND*
+ *Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh:*	*9.954.476.572 VND*
+ *Công ty CP thủy điện Hủa Na:*	*162.319.523 VND*
+ *Công ty CP Dakrinh:*	*31.515.400 VND*
+ *Các khách hàng khác:*	*3.709.510.506 VND*
– **Trả trước cho người bán ngắn hạn:**	**349.000.000 VND**
– **Phải thu ngắn hạn khác:**	**2.674.972.750 VND**
– **Hàng tồn kho:**	**13.762.525.330 VND**
– **Phải thu dài hạn:**	**37.860.000 VND**
– **Tài sản cố định:**	**18.836.934.117 VND**
– **Đầu tư tài chính dài hạn** (vốn góp cổ phần tại PAIC):	**5.040.000.000 VND**
– **Tài sản dài hạn khác:**	**25.099.415.160 VND**
TỔNG TÀI SẢN:	**481.792.909.522 VND**
– **Nợ ngắn hạn:**	**290.409.687.899 VND**

– **Vốn chủ sở hữu:** **191.383.221.623 VND**

TỔNG NGUỒN VỐN **481.792.909.522 VND**

Ban Kiểm soát đánh giá Báo cáo tài chính năm 2020 đã được lập theo nguyên tắc thận trọng, hợp lý, phản ánh đúng tình hình vốn và tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2020, phù hợp với các quy định của chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành.

Ban Kiểm soát đồng ý với ý kiến của Kiểm toán viên đã trình bày trong Báo cáo tài chính sau kiểm toán.

1.2. Tình hình thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2020 và một số chỉ tiêu tài chính tại thời điểm 31/12/2020:

1.2.1 Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giao theo Quyết định số 104/QĐ/DVKT-HĐQT ngày 10/6/2020:

a. Doanh thu:

❖ Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 đạt 262,49/251,88 tỷ đồng, tăng 4% kế hoạch SXKD năm 2020, trong đó:

– Doanh thu trực tiếp tại các nhà máy điện Cà Mau, Nhơn Trạch, Vũng Áng 1: 224,42 tỷ đồng, chiếm 85% tổng doanh thu thực hiện trong kỳ, tăng ~4% doanh thu kế hoạch theo hạng mục tương ứng;

– Doanh thu dịch vụ ngoài (bao gồm Chi nhánh Đà Nẵng): 32,12 tỷ đồng chiếm ~12% tổng doanh thu thực hiện trong kỳ, tăng 15% doanh thu kế hoạch theo hạng mục tương ứng;

– Doanh thu Nhà thầu OEM và các khoản thực thanh – thực chi: 5,95 tỷ đồng, chiếm ~ 3% tổng doanh thu thực hiện trong kỳ, giảm 12% doanh thu kế hoạch theo hạng mục tương ứng.

❖ Ngoài doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty còn được ghi nhận các nguồn thu gồm:

– Doanh thu từ hoạt động tài chính 1,58 tỷ đồng;

– Thu nhập từ các hoạt động khác 2,11 tỷ đồng (trong đó việc hoàn nhập quỹ khoa học công nghệ 1,42 tỷ đồng).

Tổng doanh thu từ các hoạt động trong năm 2020 đạt 266,35/251,88 tỷ đồng vượt ~ 6% kế hoạch SXKD năm 2020, tăng 23% so với năm 2019 (216,23 tỷ đồng).

b. Chi phí sản xuất kinh doanh: Tổng chi phí được ghi nhận vào giá thành SXKD trong kỳ là 241,06/232.08 tỷ đồng, tăng 4% kế hoạch SXKD năm 2020 tương ứng với mức tăng doanh thu thực hiện, trong đó:

- Chi phí tiền lương và các khoản tính theo lương: 129,09/125,84 tỷ đồng, chiếm 54% tổng chi phí, tăng ~ 3% so với kế hoạch 2020;
- Chi phí thực hiện tại các Chi nhánh Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1&2, Hà Tĩnh: 50,35/47,00 tỷ đồng, chiếm 21 % tổng chi phí, tăng 7% với kế hoạch 2020;
- Chi phí thực hiện từ Quý IV/2019 tại PVPNT2: 4,85/4,62 tỷ đồng, chiếm 2% tổng chi phí, tăng 5% so với kế hoạch 2020;
- Chi phí thực hiện các Hợp đồng dịch vụ ngoài: 31,79/26,10 tỷ đồng chiếm 13% tổng chi phí, tăng 22% so với kế hoạch 2020;
- Chi phí quản lý Doanh nghiệp (không bao gồm chi phí tiền lương quản lý): 19,11/21,77 tỷ đồng chiếm ~ 8% tổng chi phí, giảm ~12% so với kế hoạch 2020;
- Chi phí nhà thầu OEM và thực thanh – thực chi: 5,88/6,74 tỷ đồng, chiếm 2% tổng chi phí, giảm 13% so với kế hoạch 2020.

c. ***Lợi nhuận trước thuế:*** 24,8/19,80 tỷ đồng, tăng 25% với kế hoạch lợi nhuận 2020.

1.2.2 Một số chỉ tiêu tài chính tại thời điểm 31/12/2020:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
I	**CÁC HỆ SỐ VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI**		
1	Suất sinh lời của tổng tài sản ROA	4,10%	3,14%
2	Suất sinh lời của chủ sở hữu ROE	10,31%	8,04%
3	Lợi nhuận trước thuế/doanh thu	9,31%	9,35%
II	**CÁC HỆ SỐ HOẠT ĐỘNG**		
1	Vòng quay nợ phải thu	0,73	0,56
2	Thời gian phải thu trung bình (ngày)	495,21	637,87
3	Vòng quay tổng tài sản	0,55	0,12
4	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,.90	0,87
5	Vòng quay vốn lưu động	0,62	0,13
6	Hiệu suất sử dụng vốn cố định	4,83	3,22
III	**CÁC HỆ SỐ CƠ CẤU VỐN**		

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
1	Hệ số bảo toàn vốn H	1,03	0,99
2	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	0,40	0,39
3	Hệ số nợ tài sản	0,60	0,61
5	Hệ số nợ nguồn vốn	1,52	1,56
IV	**CÁC HỆ SỐ VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN**		
1	Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	1,49	1,44
2	Hệ số thanh toán nhanh	1,44	1,37

1.3. Tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự, công tác tuyển dụng và sử dụng lao động:

- Tổng số CBCNV của PV Power Services tại thời điểm 31/12/2020 là 473 người, tăng 2 lao động so với thời điểm kết thúc năm 2019 (471 người);
- Lao động bình quân sử dụng trong kỳ 449 người, giảm 13 người so với năm 2019 (463 người);
- Chi phí lương được tính vào giá thành trong kỳ: 116,6/100,3 tỷ đồng, tăng 17% so với kế hoạch 2020, trong đó:
  + *Chi phí tiền lương khối sản xuất trực tiếp: ~95,4 tỷ đồng;*
  + *Chi phí tiền lương khối quản lý: ~21,2 tỷ đồng.*
- Tiền lương bình quân: 20,14 triệu đồng/người/tháng *tăng 14% so với 2019.*

Việc chi trả tiền lương cho người lao động được thực hiện theo Quy chế lương và Quy chế đánh giá của tập thể, cá nhân trong Công ty.

Công ty thực hiện giao kế hoạch quỹ lương vào đầu niên độ kinh doanh và quyết toán quỹ lương khi kết thúc niên độ. Tại thời điểm báo cáo, Công ty đang thực hiện quyết toán quỹ lương 2020.

1.4. Ý kiến đánh giá của Ban Kiểm soát:

a) Những thành công đáng ghi nhận trong năm 2020:

- Kết quả SXKD tăng so với năm 2019, hoàn thành vượt kế hoạch SXKD 2020 với những chỉ tiêu cụ thể sau:
  + Doanh thu đạt 266,35 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2019, vượt ~ 6% kế hoạch năm 2020 (251,88 tỷ đồng);
  + Lợi nhuận trước thuế đạt 24,8 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2019, vượt 25% kế hoạch (19,8 tỷ đồng);

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 19,7 tỷ đồng, tăng 32% so với năm 2019, vượt ~ 25% kế hoạch (15,8 tỷ đồng).

– Công tác thu hồi vốn được triển khai có hiệu quả, thể hiện ở chỉ số vòng quay nợ phải thu (0,73 vòng) đã tăng so với năm 2019 là 0,17 vòng, đồng thời góp phần giải quyết được nhiều vấn đề tồn đọng có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động SXKD của Công ty, cụ thể:

+ Hoàn tất các thủ tục ghi nhận doanh thu thực hiện từ quý IV/2019 và cả năm 2020, đồng thời thu hồi một phần công nợ tồn đọng tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, giá trị thu hồi là 45,6 tỷ đồng;

+ Chủ động làm việc với chủ đầu tư đẩy nhanh quá trình nghiệm thu và thanh toán tại Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh. Ghi nhận của Ban Kiểm soát cho thấy, trong 3 tháng cuối năm 2020 đến thời điểm báo cáo, công tác thu hồi vốn đã được cải thiện hơn nhiều so với 9 tháng đầu năm.

– Công tác tái cơ cấu sản xuất, tổ chức quản lý bước đầu đã thu được những kết quả tích cực:

+ Cơ bản đã kiểm soát được sự sụt giảm nhân lực, tâm lý người lao động dần đi vào ổn định; Tiền lương bình quân của CBCNV đã cao hơn 14% so với năm 2019;

+ Có tác động đến sự tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh 2020 của Công ty;

+ Duy trì sự ổn định trong hoạt động sửa chữa thường xuyên tại các Nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1&2, Vũng Áng 1. Đồng thời mở rộng khai thác các thị trường bên ngoài. Kết quả SXKD 2020 cho thấy doanh thu từ hoạt động dịch vụ ngoài vượt 15% kế hoạch, tăng 60% so với năm 2019;

+ Chất lượng dịch vụ kỹ thuật của Công ty đã thu hút được nhiều khách hàng mới trong và ngoài ngành quan tâm và ghi nhận. Cụ thể, trong 02 năm liên tiếp 2019, 2020, PV Power Services đều được chọn là nhà thầu sửa chữa tại Nhà máy lọc hoá dầu Bình Sơn, Nhà máy lọc hoá dầu Nghi Sơn. Tại Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh, chủ đầu tư đã gợi mở nhiều phạm vi công việc ngoài sửa chữa thường xuyên, yêu cầu PV Power Services tư vấn và thực hiện trong những năm tiếp theo.

b) Những vấn đề còn tồn tại:

– Kết quả SXKD tại Chi nhánh Hà Tĩnh chưa đạt hiệu quả theo kế hoạch. Tuy nhiên, Ban Kiểm soát không xác định là nguy cơ gây rủi ro có thể ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động SXKD của kỳ tiếp theo do Ban lãnh

đạo Công ty đã và đang áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro và đã phát huy tác dụng thực tiễn;

- Hoạt động tự chủ kinh doanh tại Chi nhánh Đà Nẵng không đạt kế hoạch và bộc lộ nhiều vấn đề bất cập về phương thức quản lý và quản trị rủi ro trong kinh doanh. Đòi hỏi Công ty phải có biện pháp cấp bách để xử lý và kiểm soát.

2. Đánh giá việc thực hiện các kiến nghị của các đoàn kiểm tra thuộc các cơ quan quản lý Nhà nước và Nghị quyết, chủ trương chính sách của Công ty mẹ (PV Power):

2.1. Về việc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Công ty đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ các nội dung kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, bao gồm các nội dung sau:

- Thực hiện điều chỉnh hạch toán giảm hàng tồn kho tương ứng với công nợ với Nhà thầu Siemens theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước cho các kỳ kinh doanh trước đó và đã được Kiểm toán Nhà nước ghi nhận trong kỳ kiểm tra 2020. Đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính 2020 cũng đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo sau điều chỉnh được phát hành trong niên độ 2020;
- Thực hiện kiến nghị về điều chỉnh hạch toán trên sổ và Báo cáo tài chính: đã thực hiện hồi tố năm 2019;
- Thực hiện kiến nghị về xử lý tài chính: đã thực hiện nghĩa vụ nộp vào Ngân sách Nhà nước trong tháng 9/2020;
- Thực hiện kiến nghị về chấn chỉnh công tác quản lý tài chính kế toán, lao động tiền lương: Công ty đã ban hành quy chế về quản lý vốn bằng tiền trong đó quy định về hạn mức số dư tiền gửi tại các ngân hàng, số dư tiền mặt tại quỹ,... Hội đồng quản trị Công ty cũng đã thực hiện chế độ giao kế hoạch quỹ lương làm cơ sở để ban điều hành quản lý và thực hiện.

Đến hết niên độ kinh doanh 2020, PV Power Services không thuộc đối tượng kiểm tra của các cơ quan quản lý chức năng của Nhà nước ngoài đơn vị Kiểm toán Nhà nước.

2.2. Về việc chấp hành các Nghị quyết ĐHĐCĐ, chủ trương, chính sách của Công ty mẹ (PV Power):

- Hoàn thành tốt và vượt mức các chỉ tiêu kinh tế được giao theo Kế hoạch SXKD năm 2020 ban hành theo Nghị quyết số 94/NQ-ĐHĐCĐ-DVKT ngày 20/5/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 và Nghị quyết 07/NQ-ĐLDK ngày 15/01/2020 của Hội đồng quản trị PV Power;

- Hoàn thành tốt những nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên họp thường niên ngày 20/5/2020 theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Nghiêm túc chấp hành chế độ báo cáo theo Quyết định số 982/QĐ-ĐLDK ngày 23/9/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc ban hành Quy chế quản lý vốn của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Phối hợp cùng các phòng ban chức năng của Tổng công ty, đại diện của Chủ đầu tư tại các Nhà máy điện, triển khai xây dựng bộ định mức sửa chữa thường xuyên/định kỳ tại các Nhà máy điện theo khuyến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

Tuy nhiên, tính đến thời điểm báo cáo, PV Power Services vẫn tồn tại một số công việc đang triển khai như sau:

- Chưa hoàn thành công tác thoái vốn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin và Tự động hoá Dầu khí (PAIC) do chưa tìm được Nhà đầu tư thực sự quan tâm đến cổ phiếu của PAIC, việc xác định giá chuyển nhượng cổ phiếu PAI gặp nhiều khó khăn do không phát sinh giao dịch trên thị trường chứng khoán;
- Việc thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát PV Power về chấn chỉnh công tác quản lý trong các hoạt động thương mại đã nêu tại công văn số 45/NĐD.BKS-DVKT ngày 20/01/2020 vẫn chưa được xử lý triệt để.

3. Đánh giá về việc ban hành và thực hiện các Quy chế, Quy định nội bộ của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

3.1. Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty duy trì chế độ họp định kỳ hàng quý, phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Nghị quyết do Hội đồng quản trị ban hành tập trung vào những nội dung chính như sau:

- Xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch SXKD 2021-2025, định hướng đến 2035 của Công ty;
- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD 2020, xác định rủi ro trong kinh doanh để chỉ đạo tìm hướng kiểm soát kịp thời;
- Thông qua phương án tái cơ cấu Công ty;
- Giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD;

- Ban hành các Quy chế quản lý nội bộ làm cơ sở pháp lý để Ban điều hành thực hiện.

Ban Kiểm soát đánh giá các Nghị quyết do Hội đồng quản trị ban hành đều mang tính định hướng cho Ban Giám đốc chỉ đạo điều hành với các nội dung cụ thể, bám sát vào Kế hoạch SXKD, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với hoạt động thực tiễn tại Công ty.

Việc ban hành các Quyết định và/hoặc các Nghị quyết có yêu cầu gấp rút về tiến độ triển khai được thực hiện thông qua xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và được phát hành với sự đồng thuận của đa số các thành viên.

Hội đồng quản trị rất chú trọng đến thời gian hoàn thành công việc, thường xuyên đôn đốc ban điều hành về tiến độ triển khai thực hiện các Nghị quyết/ Quyết định đã ban hành, qua đó kịp thời nắm bắt những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong hoạt động SXKD của Công ty, cùng ban điều hành khắc phục và hạn chế các rủi ro có thể ảnh hưởng việc hoàn thành các nhiệm vụ SXKD trong kỳ.

3.2. Ban Giám đốc:

Triển khai thực hiện các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc ban hành văn bản chỉ đạo, phân công triển khai thực hiện gắn liền trách nhiệm giám sát, đôn đốc tới từng thành viên Ban Giám đốc theo từng lĩnh vực chuyên môn.

Công tác chỉ đạo điều hành của Ban Giám đốc thực sự đã mang lại hiệu quả tích cực trong SXKD được chứng minh bằng kết quả sản xuất kinh doanh như đã đánh giá ở phần trên, các hoạt động của Ban Giám đốc được thể hiện qua các hành động cụ thể sau:

- Xây dựng cơ sở pháp lý trong chỉ đạo, điều hành:
  + Tham mưu, hoàn thiện, trình Hội đồng quản trị ban hành Kế hoạch SXKD 2021-2025, chiến lược đến 2035;
  + Xây dựng, trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch SXKD 2020, 2021;
  + Tham mưu, trình Hội đồng quản trị ban hành Quy chế quản lý vốn bằng tiền, Quy chế trả lương cho CBCNV, Quy chế đánh giá hiệu quả tập thể cá nhân, Quy chế chi trả lương cho chuyên gia, sửa đổi Quy chế đào tạo, Quy chế thưởng an toàn,…
- Thực hiện tái cơ cấu tổ chức và hợp lý hoá sản xuất:
  + Tiến hành sáp nhập một số phòng ban quản lý gián tiếp (Văn phòng Đảng – Đoàn sáp nhập vào phòng Tổng hợp, Phòng ATMT sáp nhập

vào phòng Kỹ thuật) và khối sản xuất trực tiếp (sáp nhập 2 phân xưởng điện và C&I thành một phân xưởng,...) nhằm thu gọn các đầu mối quản lý trung gian;

+ Tiến hành điều động có thời hạn cán bộ thuộc khối quản lý gián tiếp đến hỗ trợ và trực tiếp tham gia thực hiện dự án nhằm giảm chi phí quản lý và tăng năng lực sản xuất;

+ Sử dụng linh hoạt nguồn nhân lực kỹ thuật tại các Chi nhánh đảm bảo duy trì ổn định sản xuất tại các Nhà máy điện đồng thời tham gia thực hiện các dịch vụ bên ngoài do Công ty khai thác.

– Thực hiện chính sách tiết giảm chi phí như cắt giảm diện tích sử dụng văn phòng Công ty, quản lý chặt chẽ công tác mua sắm, sử dụng tài sản, nhân lực và các nguồn lực khác.

– Thực hiện công tác quản trị rủi ro:

+ Thành lập Tổ công tác phục vụ công tác thu hồi công nợ tồn đọng;

+ Thành lập các đoàn công tác chuyên môn đến hỗ trợ Chi nhánh (đặc biệt là Chi nhánh Đà Nẵng) trong công tác thu hồi công nợ, giải quyết các vướng mắc trong quá trình SXKD đồng thời xác định rủi ro tiềm tàng báo cáo với lãnh đạo Công ty tìm phương án khắc phục;

+ Chủ động làm việc với Chủ đầu tư (Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh) để đẩy nhanh quá trình nghiệm thu, thanh quyết toán; thống nhất phạm vi công việc để chủ động huy động các nguồn lực mở rộng khả năng khai thác và tìm kiếm thêm công việc.

– Thực hiện chính sách phát triển nguồn nhân lực thông qua cơ chế đãi ngộ đối với những lao động có kỹ năng, tay nghề cao (Quy chế chi trả lương chuyên gia) đồng thời áp dụng chế độ đào tạo tại chỗ (Quy chế đào tạo).

3.3. Những vấn đề còn tồn tại:

– Công tác rà soát, đánh giá năng lực công cụ, dụng cụ thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa toàn Công ty đã được Ban Kiểm soát khuyến nghị bằng văn bản số 45/NĐD.BKS-DVKT ngày 20/01/2020 được triển khai rất chậm. Tại thời điểm báo cáo, Ban Kiểm soát chưa nhận được báo cáo/ thông tin nào về việc triển khai công tác này;

– Cơ chế, chính sách hiện hành chưa phát huy hết tính chủ động và khuyến khích người lao động, các đơn vị trực thuộc tìm kiếm khai thác thêm các hợp đồng/công việc tại thị trường hiện có và mở rộng những thị trường, lĩnh vực kinh doanh mới;

– Công tác quản lý, kiểm soát và thu thập chứng từ ban đầu, lập và phát

hành hồ sơ thầu tại các Chi nhánh đã được khuyến nghị hoàn thiện, sau nhiều lần kiểm tra vẫn phát hiện sai sót lặp lại.

4. Kiến nghị:

- Tăng cường công tác chức năng quản lý của các phòng ban Công ty thông qua việc giám sát và thiết lập chế độ báo cáo của các đơn vị, đồng thời hỗ trợ nâng cao chất lượng thực hiện chuyên môn nghiệp vụ đối với đội ngũ cán bộ quản lý tại các Chi nhánh/đơn vị trực thuộc;
- Đảm bảo tính tuân thủ đối với các Quy chế quản lý nội bộ và pháp luật hiện hành;
- Tăng cường giám sát, quản lý Hợp đồng sửa chữa thường xuyên tại Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh, đảm bảo hiệu quả kinh doanh theo kế hoạch được duyệt;
- Giải quyết dứt điểm các tồn tại phát sinh tại Chi nhánh Đà Nẵng. Cần xem xét đến việc thay đổi phương thức hoạt động hoặc quản lý tại đơn vị này;
- Đẩy nhanh tiến độ rà soát, đánh giá năng lực của công cụ, dụng cụ, máy móc thiết bị phục vụ thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa;
- Đẩy nhanh tiến độ rà soát đánh giá năng lực công cụ dụng cụ, thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa theo kiến nghị của Ban Kiểm soát Tổng Công ty;
- Tiếp tục rà soát và hoàn thiện hệ thống văn quản lý nội bộ theo hướng đồng bộ, thống nhất, phù hợp với nhu cầu quản lý và tình hình hoạt động thực tế tại Công ty cũng như các Chi nhánh/đơn vị trực thuộc.

IV. Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát trong năm 2021:

Thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 và Thông tư 116/2020/TT-BTC:

- Công tác kiểm tra/ kiểm soát định kỳ thực hiện 01 lần/quý với phạm vi thực hiện toàn Công ty;
- Công tác kiểm tra/ kiểm soát theo chuyên đề thực hiện theo tình hình hoạt động SXKD thực tế tại Công ty, Ban Kiểm soát sẽ xác định đối tượng và phạm vi thực hiện, lập kế hoạch kiểm soát thống nhất với lãnh đạo Công ty để phối hợp thực hiện;
- Công tác kiểm tra/ kiểm soát bất thường: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2020 và

phương hướng hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát PV Power Services, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, Ban GĐ Công ty (để biết);
- Lưu: VT, BKS.

Đính kèm:
- Các biểu: 1A, 1B, 1C, 1F.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Phạm Hùng Anh

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Biểu mẫu 1A

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP
Năm 2020 - Sau kiểm toán

Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
Giấy đăng ký kinh doanh số : 0102560459 ngày 17 tháng 10 năm 2019
Ngành nghề kinh doanh : Dịch vụ Kỹ thuật Điện
Địa chỉ, điện thoại, Fax : Tầng 7, Tòa nhà Hỗn hợp HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện Năm 2019	Thực hiện Năm 2020	Luỹ kế	So sánh với cùng kỳ
1	2	3	4	5	6	7
1	**Tổng số doanh nghiệp**	**DN**				
	- Doanh nghiệp có lãi	DN				
	- Doanh nghiệp hòa vốn	DN				
	- Doanh nghiệp lỗ	DN				
2	**Tổng số lao động**	**người**				
3	**Số phải nộp ngân sách**	**tr. Đồng**				
4	**Tổng số vốn chủ sở hữu**	**tr. Đồng**	**185,703**	**191,383**	**191,383**	**103%**
	Trong đó					
	- Vốn điều lệ	tr. Đồng	150,000	150,000	150,000	100%
	- Tổng số vốn của PVPower	tr. Đồng	76,500	76,500	76,500	100%
	- Lỗ lũy kế	tr. Đồng				
5	**Tổng số nợ phải trả**	**tr. Đồng**	**289,289**	**290,410**	**290,410**	**100%**
	Trong đó: Nợ quá hạn	tr. Đồng				
6	**Tổng nợ phải thu**	**tr. Đồng**	**357,998**	**364,157**	**364,157**	**102%**
	Trong đó: Nợ khó đòi	tr. Đồng				
7	**Kết quả kinh doanh**					
	- Doanh thu (không thuế)	tr. Đồng	216,139	266,355	266,355	123%
	- Lợi nhuận trước thuế	tr. Đồng	20,213	24,803	24,803	123%

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Biểu mẫu 1B

BÁO CÁO

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2020 SAU KIỂM TOÁN

(Các chỉ tiêu tài chính cơ bản)

Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Giấy đăng ký kinh doanh số : 0102560459 ngày 17 tháng 10 năm 2019

Ngành nghề kinh doanh : Dịch vụ Kỹ thuật Điện

Vốn điều lệ : 150.000 triệu đồng

Trong đó: Vốn Tổng Công ty : 76.500 triệu đồng

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I	**Tài sản ngắn hạn**	**100-BCĐKT**	**432,778,700,185**	**415,225,354,311**
1	Tiền, tương đương tiền	110-BCĐKT	49,727,074,029	31,935,878,728
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	5,170,000,000	5,170,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	364,119,100,826	357,959,936,904
	Trong đó: Nợ phải thu khó đòi		-	-
4	Hàng tồn kho	140-BCĐKT	13,762,525,330	20,159,538,679
5	Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT		
II	**Tài sản dài hạn**	**200-BCĐKT**	**49,014,209,337**	**59,766,378,350**
1	Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	37,860,000	37,860,000
2	Tài sản cố định	220-BCĐKT	18,836,934,177	28,009,589,042
	- Tài sản cố định hữu hình	*221-BCĐKT*	*18,751,999,947*	*27,445,835,843*
	- Tài sản cố định thuê tài chính	*224-BCĐKT*	-	-
	- Tài sản cố đinh vô hình	*227-BCĐKT*	*84,934,230*	*563,753,199*
3	Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	-	-
4	Bất động sản đầu tư	240-BCĐKT	-	-
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	5,040,000,000	5,040,000,000
	Trong đó: Dự phòng giảm giá			
6	Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	25,099,415,160	26,678,929,308
III	**Nợ phải trả**	**300-BCĐKT**	**290,409,687,899**	**289,288,731,316**
	Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	290,409,687,899	287,365,909,157
	Trong đó: Nợ quá hạn		-	-
	Trong đó: Quỹ khen thưởng phúc lợi	322-BCĐKT	1,615,984,360	2,169,319,281
	Nợ dài hạn	330-BCĐKT	-	1,922,822,159
IV	**Nguồn vốn chủ sở hữu**	**410-BCĐKT**	**191,383,221,623**	**185,703,001,345**
1	Vốn chủ sở hữu	411-BCĐKT	150,000,000,000	150,000,000,000
	Trong đó: Vốn góp của PV-Power		76,500,000,000	76,500,000,000

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2	Quỹ đầu tư phát triển	418 BCĐKT	20,686,994,576	20,686,994,576
3	Lợi nhuận chưa phân phối	421-BCĐKT	20,696,227,047	15,016,006,769
V	**Kết quả kinh doanh**			
1	**Tổng doanh thu**		**266,354,688,049**	**216,138,894,575**
	- Doanh thu thuần từ về bán hàng và cung cấp dịch vụ	*10-BCKQKD*	*262,489,274,679*	*213,476,215,734*
	- Doanh thu hoạt động tài chính	*21-BCKQKD*	*1,757,992,655*	*1,039,131,608*
	- Thu nhập khác	*31-BCKQKD*	*2,107,420,715*	*1,623,547,233*
2	**Tổng chi phí**		**241,552,087,205**	**195,925,408,104**
	- Giá vốn		*200,799,340,248*	*150,838,955,178*
	- Chi phí tài chính		*48,018,088*	*392,526,721*
	- Chi phí bán hàng		-	-
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp		*40,263,334,690*	*43,089,487,126*
	- Chi phí khác		*441,394,179*	*1,604,439,079*
3	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	**50-BCKQKD**	**24,802,600,844**	**20,213,486,471**
	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		5,063,924,170	5,291,507,582
4	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60-BCKQKD**	**19,738,676,674**	**14,921,978,889**
VI	**Các chỉ tiêu khác**			
1	Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách		27,529,709,741	14,283,180,847
2	*Trong đó: Các loại thuế*			
	- Thuế GTGT		20,423,759,895	9,342,060,037
	- Thuế GTGT hàng nhập khẩu			
	- Thuế nhập khẩu		11,942,356	
	- Thuế TNDN		5,063,924,170	4,330,583,356
	- Thuế TNCN		2,024,083,320	603,537,454
	- Thuế GTGT nộp thay nhà thầu			
	- Thuế TNDN nộp thay nhà thầu			
	- Thuế môn bài			
	- Các loại thuế khác		6,000,000	7,000,000
3	Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)		12.96%	10.88%
4	Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)		152%	156%
5	Tổng quỹ lương chi trong kỳ		81,834,972,746	77,343,519,871
6	Số lao động bình quân		472	468
7	Thu nhập bình quân người/quý		16,975,808	14,584,584

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Biểu mẫu 1C

KHẢ NĂNG THANH TOÁN NỢ CỦA DOANH NGHIỆP

- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (Hht)

$$Hht = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn (MS 100 BCĐKT)}}{\text{Nợ ngắn hạn (MS 310 BCĐKT)}} = \frac{432,778,700,185}{290,409,687,899} = 1.49$$

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh (Hn)

$$Hn = \frac{\text{Tiền, các khoản tương đương tiền (MS 110 BCĐKT) và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (MS 120 BCĐKT)}}{\text{Nợ ngắn hạn (MS 310 BCĐKT)}} = \frac{54,897,074,029}{290,409,687,899} = 0.19$$

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Biểu mẫu 1F

BẢNG ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Ghi chú
I	**CÁC HỆ SỐ VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI**			
1	Suất sinh lời của tổng tài sản ROA	4.10%	3.14%	
2	Suất sinh lời của chủ sở hữu ROE	10.31%	8.04%	
3	Lợi nhuận trước thuế/doanh thu	9.31%	9.35%	
II	**CÁC HỆ SỐ HOẠT ĐỘNG**			
1	Vòng quay nợ phải thu	0.73	0.56	
2	Thời gian phải thu trung bình	495.21	637.87	
3	Vòng quay tổng tài sản	0.55	0.12	
4	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0.90	0.87	
5	Vòng quay các khoản phải trả	0.69	0.10	
6	Thời gian phải trả trung bình	519.65	3,688.10	
7	Vòng quay vốn lưu động	0.62	0.13	
8	Hiệu suất sử dụng vốn cố định	4.83	3.22	
III	**CÁC HỆ SỐ CƠ CẤU VỐN**			
1	Hệ số bảo toàn vốn H	1.03	0.99	
2	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	0.40	0.39	
3	Hệ số nợ tài sản	0.60	0.61	
5	Hệ số nợ nguồn vốn	1.52	1.56	
IV	**CÁC HỆ SỐ VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN**			
1	Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	1.49	1.44	
2	Hệ số thanh toán nhanh	1.44	1.37	